

DOI: 10.58490/ctump.2025i90.3867

**TÌNH TRẠNG THỪA CÂN, BÉO PHÌ VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN
TRÊN SINH VIÊN Y KHOA HỆ LIÊN THÔNG
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2024**

*Nguyễn Như Ngọc¹, Hồ Thị Bé Nu¹, Nguyễn Thị Kim Phương¹, Đào Huỳnh Thy¹,
Thái Thanh Thoai¹, Mai Thị Tho², Thái Thị Ngọc Thúy¹,
Đương Hoàng Thành¹, Nguyễn Văn Minh^{1*}*

1. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

2. Bệnh viện Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp

**Email: nvminh@ctump.edu.vn*

Ngày nhận bài: 22/4/2025

Ngày phản biện: 04/7/2025

Ngày duyệt đăng: 25/8/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Béo phì là tình trạng mỡ trong cơ thể tích tụ quá mức, vượt qua mức bình thường có thể gây hại đến sức khỏe và làm tăng nguy cơ mắc các bệnh lý mạn tính như tim mạch, tăng huyết áp, đái tháo đường type 2. Việc nghiên cứu tỉ lệ béo phì ở các đối tượng đặc thù như sinh viên Y khoa hệ liên thông là cần thiết, nhằm xác định thực trạng và đề xuất biện pháp can thiệp phù hợp. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỉ lệ thừa cân, béo phì và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến thừa cân, béo phì trên sinh viên Y khoa hệ liên thông của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích được tiến hành trên 220 sinh viên Y khoa hệ liên thông năm 2024 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Kết quả:** Tỉ lệ thừa cân, béo phì ở sinh viên chiếm 20,5%. Các yếu tố liên quan đến thừa cân béo phì của sinh viên: Giới tính, tần suất sử dụng thức ăn chiên xào dầu mỡ, sử dụng chất kích thích. **Kết luận:** Tỉ lệ sinh viên thừa cân, béo phì trong quần thể sinh viên Y Khoa hệ liên thông Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tương đối cao. Cần chú ý đến thói quen, tần suất sử dụng thực phẩm chiên xào dầu mỡ, chất kích thích để tư vấn cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên nam.

Từ khóa: Thừa cân, béo phì, sinh viên y khoa, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

ABSTRACT

**OVERWEIGHT AND OBESITY AND RELATED FACTORS
IN MEDICAL STUDENTS OF CAN THO UNIVERSITY OF
MEDICINE AND PHARMACY IN 2024**

*Nguyen Nhu Ngoc¹, Ho Thi Be Nu¹, Nguyen Thi Kim Phuong¹, Dao Huynh Thy¹,
Thai Thanh Thoai¹, Mai Thi Tho², Thai Thi Ngoc Thuy¹,
Duong Hoang Thanh¹, Nguyen Van Minh^{1*}*

1. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

2. Ho Chi Minh City Hospital for Rehabilitation - Professional diseases

Background: Obesity is a condition of excessive accumulation of body fat, exceeding normal levels, which can be harmful to health and increase the risk of chronic diseases such as cardiovascular disease, high blood pressure, and type 2 diabetes. Research on obesity rates in specific subjects such as medical students is necessary to determine the current situation and propose appropriate intervention measures. **Objective:** To determine the percentage of overweight, obesity and explore some factors related to overweight and obesity in medical students of Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Material and methods:** A cross-sectional study with analysis was conducted on 220 medical students of the 2024 academic year at Can Tho University of

Medicine and Pharmacy. Results: The percentage of overweight and obesity in students was 20.5%. Factors related to overweight and obesity in students: Gender, frequency of fried and greasy food consumption, use of stimulants. Conclusion: The percentage of overweight and obesity in medical students of Can Tho University of Medicine and Pharmacy was relatively high. It is necessary to pay attention to frequency of using fried foods, greasy foods, use of stimulants to advise medical students, especially male students.

Keywords: Overweight, obesity, medical students, Can Tho University of Medicine and Pharmacy.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Béo phì hiện nay đang nổi lên như một vấn đề sức khỏe cộng đồng nghiêm trọng trên toàn thế giới, với tốc độ gia tăng nhanh chóng và mức độ ảnh hưởng lan rộng ở cả các nước phát triển lẫn đang phát triển. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó, khi tỉ lệ người thừa cân, béo phì đặc biệt là ở nhóm người trẻ và trưởng thành đang tăng lên đáng kể. Ngay cả sinh viên Y khoa, những người được cho là có nhận thức và hiểu biết cao về sức khỏe, cũng không tránh khỏi nguy cơ mắc tình trạng này. Số liệu từ Tổ chức Y tế Thế giới ghi nhận, tính đến năm 2016, đã có hơn 1,9 tỷ người trưởng thành trên toàn cầu bị thừa cân hoặc béo phì, con số này đã tăng gấp ba lần so với năm 1975. Trung bình, trong số 4 người lớn thì có ít nhất 1 người bị béo phì và gần 1/3 dân số thế giới hiện đang phải đối mặt với tình trạng thừa cân hoặc béo phì. Ở Việt Nam, theo Viện Dinh dưỡng Quốc gia, tỉ lệ béo phì trong nhóm người từ 25 đến 64 tuổi đang tăng nhanh, với con số ước tính khoảng 16,8% [1]. Xu hướng này được cho là có liên hệ mật thiết với sự thay đổi thói quen sinh hoạt, bao gồm việc tiêu thụ quá nhiều thực phẩm giàu năng lượng, đồ uống có đường, sử dụng rượu bia và lối sống ít vận động. Đối với sinh viên đại học - nhóm thường xuyên chịu áp lực học tập và có giờ giấc sinh hoạt thất thường, nguy cơ tăng cân và béo phì cũng trở nên đáng lưu ý. Các nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy: Tỉ lệ sinh viên bị thừa cân, béo phì tại Trường Đại học Thăng Long đã tăng từ 13,1% năm 2012 lên 19,4% năm 2014 [2]; trong khi tại Trường Đại học Cần Thơ năm 2016, tỉ lệ này là 4,51% [3]. Tuy nhiên, từ trước đến nay lại có rất ít nghiên cứu tập trung vào tình trạng thừa cân, béo phì và các yếu tố liên quan ở nhóm sinh viên Y Khoa hệ liên thông - đối tượng có đặc điểm học tập và sinh hoạt khác biệt so với những nhóm sinh viên khác. Họ thường đã đi làm, độ tuổi cao hơn, phải cân bằng giữa công việc và học tập, dễ hình thành thói quen ăn uống, sinh hoạt không đều độ. Việc thiếu được quan tâm trong nghiên cứu y tế cộng đồng khiến các đặc điểm sức khỏe, đặc biệt là thừa cân, béo phì, ở nhóm này chưa được khai thác đầy đủ, do đó lựa chọn họ làm đối tượng nghiên cứu là cần thiết. Từ thực trạng trên, việc khảo sát và đánh giá tình trạng thừa cân, béo phì ở sinh viên Y khoa hệ liên thông là rất cần thiết. Vì vậy, nghiên cứu: “Khảo sát tình trạng thừa cân, béo phì và một số yếu tố liên quan trên sinh viên khoa Y hệ liên thông của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2024” được thực hiện với mục tiêu: Xác định tỉ lệ thừa cân, béo phì trong nhóm sinh viên Y khoa hệ liên thông và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tình trạng này.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên Y khoa hệ liên thông khóa 34, khóa 35, khóa 36, khóa 37 Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2024.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên Y khoa hệ liên thông khóa 34, khóa 35, khóa 36, khóa 37 đang học tập tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2024.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Nghiên cứu không bao gồm những sinh viên vắng mặt từ 3 lần trở lên trong suốt quá trình thu thập số liệu. Ngoài ra, các sinh viên đang mắc bệnh cấp tính tại thời điểm khảo sát (như tiêu chảy, nhiễm khuẩn, các bệnh lý đường hô hấp, thủy đậu, sốt xuất huyết), phụ nữ đang mang thai và người khuyết tật.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

- **Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỉ lệ:

$$n = Z_{(1-\frac{\alpha}{2})}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n: Cỡ mẫu.

Z: Hệ số tin cậy ở mức xác suất 95% ($\alpha=0,05$), $Z=1,96$.

α : Mức ý nghĩa thống kê.

d: Sai số cho phép, chọn $d=0,05$.

Chọn $p=0,172$ tỉ lệ thừa cân, béo phì theo nghiên cứu của Lê Hữu Việt (2018) [4]. Áp dụng theo công thức trên ta tính được $n=220$.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Từ số lượng sinh viên từng khóa trong bốn khóa hệ liên thông, tính tỉ lệ số lượng sinh viên của từng khóa so với tổng số sinh viên liên thông, thu được kết quả: khóa 37 chiếm 23,7%; khóa 36 chiếm 33,3%; khóa 35 chiếm 26,7% và khóa 34 chiếm 16,3%. Lấy tỉ lệ vừa tính được nhân với cỡ mẫu, ta được số lượng sinh viên cần chọn của mỗi khóa là khóa 37 cần 53 sinh viên, khóa 36 cần 73 sinh viên, khóa 35 cần 59 sinh viên và khóa 34 cần 35 sinh viên. Để đảm bảo tính đại diện, số lượng sinh viên của các lớp trong cùng một khóa được gộp chung lại thành một danh sách duy nhất theo từng khóa, dùng phần mềm Excel chọn ngẫu nhiên sinh viên trong danh sách của từng khóa theo số lượng vừa tính được.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Tình trạng thừa cân và béo phì trong nhóm sinh viên Y khoa hệ liên thông tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được xác định dựa trên chỉ số khối cơ thể (Body Mass Index - BMI), theo phân loại dành cho người trưởng thành tại khu vực châu Á. Cụ thể: Thiếu cân ($BMI < 18,5 \text{ kg/m}^2$); Bình thường (BMI từ $18,5-22,9 \text{ kg/m}^2$); Thừa cân (BMI từ $23-24,9 \text{ kg/m}^2$); Béo phì ($BMI \geq 25 \text{ kg/m}^2$). Dữ liệu được thu thập thông qua bộ câu hỏi được thực hiện trực tiếp tại giảng đường. Riêng chiều cao và cân nặng của sinh viên được đo bằng thiết bị chuyên dụng trong buổi khảo sát, đảm bảo độ chính xác cao.

+ Một số yếu tố liên quan đến thừa cân, béo phì của sinh viên bao gồm: Tuổi, giới, dân tộc, tôn giáo, thói quen sử dụng thức ăn chiên xào dầu mỡ, thức ăn nhanh, thức ăn giàu carbohydrate, thức ăn giàu protein, đồ ngọt, nước có gas, nước ép trái cây và chất kích thích. Dữ liệu được thu thập bằng bảng câu hỏi khảo sát trực tuyến qua Google Form, với các câu hỏi được thiết kế rõ ràng, dễ hiểu, có giải thích cụ thể khái niệm từng biên, giúp đối tượng khảo sát dễ hình dung và lựa chọn phương án phù hợp với thực tế hành vi và tình trạng của bản thân.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được Hội đồng đạo đức trong Nghiên cứu Y Sinh của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thông qua với số phiếu chấp thuận 23.100.SV-ĐHYDCT. Địa điểm triển khai nghiên cứu được duyệt thực hiện tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 12 năm 2024.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

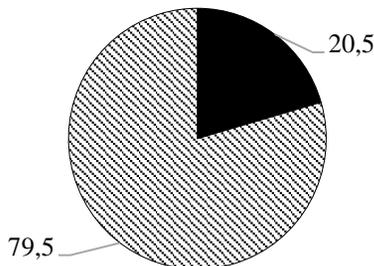
3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm về tuổi, giới tính, dân tộc và tôn giáo của đối tượng nghiên cứu

| Đặc điểm chung | | Tần số | Tỉ lệ (%) |
|----------------|-----------------|--------|-----------|
| Tuổi | ≤30 | 151 | 68,8 |
| | >30 | 69 | 31,2 |
| Giới tính | Nam | 135 | 61,4 |
| | Nữ | 85 | 38,6 |
| Dân tộc | Kinh | 200 | 90,9 |
| | Khmer | 10 | 4,5 |
| | Hoa | 5 | 2,3 |
| | Khác | 5 | 2,3 |
| Tôn giáo | Không tôn giáo | 190 | 86,4 |
| | Phật giáo | 13 | 5,9 |
| | Thiên Chúa giáo | 10 | 4,5 |
| | Khác | 7 | 3,2 |
| Khóa học | K34 | 35 | 15,9 |
| | K35 | 59 | 26,8 |
| | K36 | 73 | 33,2 |
| | K37 | 53 | 24,1 |

Nhận xét: Phần lớn đối tượng có độ tuổi ≤ 30 chiếm (68,8%). Nam chiếm đa số (61,4%). Dân tộc Kinh chiếm chủ yếu (90,9%). Đa số sinh viên không theo tôn giáo (86,4%).

3.2. Tình hình thừa cân, béo phì của sinh viên Y khoa hệ liên thông



■ Thừa cân, béo phì ▨ Không thừa cân, béo phì

Biểu đồ 1. Thừa cân, béo phì trong sinh viên Y khoa hệ liên thông

Nhận xét: Tỉ lệ thừa cân, béo phì ở sinh viên Y khoa hệ liên thông chiếm 20,5%.

3.3. Liên quan các yếu tố nghiên cứu với thừa cân, béo phì của sinh viên

Bảng 2. Mối liên quan thừa cân, béo phì với tuổi, giới tính của đối tượng nghiên cứu

| Đặc điểm | | Thừa cân, béo phì | | OR (KTC 95%) | P |
|-----------|-----|-------------------|--------------|---------------------|-------|
| | | Có, n (%) | Không, n (%) | | |
| Giới tính | Nam | 36 (16,4) | 99 (45,0) | 3,07 (2,51-1,28) | 0,004 |
| | Nữ | 9 (4,4) | 76 (34,3) | | |
| Tuổi | ≤30 | 19 (8,6) | 81 (36,8) | 0,85 (0,44-1,64) | 0,625 |
| | >30 | 26 (11,8) | 94 (42,7) | | |

Nhận xét: Chênh lệch nguy cơ thừa cân béo phì ở sinh viên nam cao gấp 3,07 lần so với sinh viên nữ (OR=3,07; KTC 95%: 2,51-1,28; p<0,05). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Không có sự liên quan giữa nhóm tuổi và thừa cân, béo phì.

Bảng 3. Mối liên quan thừa cân, béo phì với tần suất sử dụng thực phẩm

| Đặc điểm | Tần suất | Thừa cân, béo phì | | OR (KTC 95%) | P |
|------------------------------|--------------|-------------------|-------------|---------------------|-------|
| | | Có, n(%) | Không, n(%) | | |
| Thức ăn nhanh | ≥ 4 lần/tuần | 12 (5,5) | 27(12,3) | 1,99 (0,92-4,34) | 0,078 |
| | < 4 lần/tuần | 33 (15,0) | 148(67,3) | | |
| Thức ăn chiên xào, dầu mỡ | ≥ 4 lần/tuần | 25 (11,4) | 52(23,6) | 2,96 (1,51-5,78) | 0,001 |
| | < 4 lần/tuần | 20 (9,1) | 123(55,9) | | |
| Thức ăn giàu carbohydrate | ≥ 4 lần/tuần | 28 (12,7) | 87(39,5) | 1,67 (0,85-3,26) | 0,134 |
| | < 4 lần/tuần | 17 (7,7) | 88(40,0) | | |
| Thức ăn giàu protein | ≥ 4 lần/tuần | 34 (15,5) | 117(53,2) | 1,53 (0,74-3,24) | 0,262 |
| | < 4 lần/tuần | 11 (5,0) | 58(26,4) | | |
| Thói quen ăn đồ ngọt | ≥ 4 lần/tuần | 19 (8,6) | 51(23,2) | 1,78 (0,90-3,49) | 0,093 |
| | < 4 lần/tuần | 26 (11,8) | 124(56,4) | | |
| Nước có gas | ≥ 4 lần/tuần | 12 (5,5) | 28(12,7) | 1,91 (0,88-4,14) | 0,098 |
| | < 4 lần/tuần | 33 (15,0) | 147(66,8) | | |
| Nước ép trái cây | ≥ 4 lần/tuần | 14 (6,4) | 54(24,5) | 1,01 (0,50-2,05) | 0,974 |
| | < 4 lần/tuần | 31 (14,1) | 121(55,0) | | |
| Sử dụng chất kích thích | Có | 29 (13,2) | 73(33,2) | 2,53 (1,28-5,00) | 0,006 |
| | Không | 16 (7,3) | 102(46,4) | | |

Nhận xét: Chênh lệch thừa cân béo phì trong nhóm sinh viên sử dụng thức ăn chiên xào dầu mỡ ≥ 4 lần/tuần cao gấp 2,96 lần so với sinh viên sử dụng < 4 lần/tuần (OR=2,96; KTC 95%: 1,51-5,78; p=0,001). Chênh lệch thừa cân, béo phì trong nhóm sinh viên có sử dụng chất kích thích cao gấp 2,53 lần so với nhóm còn lại (OR=2,53; KTC 95%: 1,28-5,00; p=0,006). Nghiên cứu chưa tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa thừa cân, béo phì với tần suất sử dụng thức ăn nhanh, thức ăn giàu carbohydrate, thức ăn giàu protein, đồ ngọt nước có gas và nước ép trái cây (p>0,05). Tuy nhiên, một số biến như tần suất sử dụng thức ăn chiên xào dầu mỡ, thức ăn nhanh, thức ăn giàu carbohydrate, thức ăn giàu protein, đồ ngọt, nước có gas, nước ép trái cây và chất kích thích có khả năng giao thoa hoặc chồng lấp về khái niệm, dẫn đến khó khăn trong phân biệt khi trả lời. Sự trùng lặp này tiềm ẩn nguy cơ gây sai số phân loại.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu ghi nhận tỉ lệ sinh viên nam chiếm ưu thế với 61%, trong khi sinh viên nữ chiếm 39%. Tỉ lệ này tương đối tương đồng với kết quả từ một nghiên cứu thực hiện năm 2021 trên sinh viên khoa Y tế công cộng thuộc Trường Đại học Y Dược Cần Thơ [5]. Về thành phần dân tộc, phần lớn sinh viên tham gia nghiên cứu là người Kinh (90,9%), tiếp theo là dân tộc Khmer (4,56%), dân tộc Hoa (2,27%) và các dân tộc khác chiếm 2,27%. Kết quả này phản ánh cơ cấu dân số chung của Việt Nam, nơi dân tộc Kinh là chủ đạo, đồng thời phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Pháp (2021), trong đó dân tộc Kinh chiếm 79,9% [6]. Phân nhóm theo độ tuổi, nhóm ≤ 30 tuổi chiếm tỉ lệ cao hơn (68,8%) so với nhóm > 30 tuổi (31,2%). Điều này có thể lý giải do nhiều người trẻ tuổi sau khi tốt nghiệp lựa chọn tiếp tục học để nâng cao chuyên môn, khi chưa bị ràng buộc nhiều bởi trách nhiệm gia đình hay công việc. Về tôn giáo, đa số sinh viên không theo một tôn giáo cụ thể (86,4%), phản ánh xu hướng phổ biến trong xã hội hiện đại, khi nhiều người trẻ chọn tự do tín ngưỡng hoặc không ràng buộc vào bất kỳ hệ thống tôn giáo nào.

4.2. Tình hình thừa cân, béo phì của sinh viên Y khoa hệ liên thông

Trong nghiên cứu đã xác định được 45 sinh viên có tình trạng thừa cân, béo phì chiếm tỉ lệ 20,5% trên tổng số 220 sinh viên. Kết quả của chúng tôi có sự tương đồng so với kết quả nghiên cứu trên sinh viên Y học dự phòng, Y tế công cộng với tỉ lệ thừa cân, béo phì chiếm 20% [5].

Trong quá trình nghiên cứu, nhận thấy sự khác biệt so với kết quả từ một nghiên cứu Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Y Hà Nội của Hoàng Thị Linh Ngọc và cộng sự (2021) cho thấy tỉ lệ thừa cân béo phì thấp hơn nhiều là 6,7% [7] và nghiên cứu trên tân sinh viên của Trường Đại học Duy Tân (2022) là 8,8% trên tổng số 1873 sinh viên [8]. Cùng là chủ đề khảo sát về thừa cân béo phì trên đối tượng là sinh viên, nhưng nghiên cứu của chúng tôi có sự khác biệt với các nghiên cứu của các tác giả khác. Sự khác biệt này có thể do đối tượng nghiên cứu của các nghiên cứu trên là sinh viên năm nhất mới tốt nghiệp trung học phổ thông, còn nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện trên nhóm đối tượng là sinh viên Y khoa hệ liên thông với các độ tuổi khác nhau.

4.3. Liên quan các yếu tố nghiên cứu với thừa cân, béo phì của sinh viên

Nghiên cứu cho thấy chênh lệch nguy cơ bị thừa cân, béo phì ở sinh viên nam cao gấp 3,07 lần so với sinh viên nữ. Điều này cũng giống với nghiên cứu của Hoàng Thị Linh Ngọc và cộng sự (2021) trong đó chênh lệch nguy cơ bị thừa cân, béo phì ở sinh viên nam cao gấp 2,81 lần so với sinh viên nữ [7]. Có mối liên quan giữa thừa cân, béo phì và sử dụng thức ăn chiên xào dầu mỡ và sử dụng chất kích thích. Trong đó, chênh lệch nguy cơ bị thừa cân, béo phì ở nhóm sinh viên sử dụng thức ăn chiên xào dầu mỡ ≥ 4 lần/tuần cao gấp 2,96 lần ($p=0,001$) so với sinh viên sử dụng < 4 lần/tuần. Chênh lệch nguy cơ bị thừa cân, béo phì ở nhóm sinh viên sử dụng chất kích thích cao gấp 2,53 lần so với nhóm sinh viên không sử dụng ($p=0,006$). Từ kết quả trên, chúng tôi đưa ra giả thuyết sinh viên nam thường xuyên sử dụng thức ăn chiên xào dầu mỡ và thường xuyên sử dụng chất kích thích nên có nguy cơ bị thừa cân, béo phì cao hơn so với sinh viên nữ. Do vậy cần phải khuyến khích tất cả mọi người, đặc biệt là sinh viên nam hạn chế ăn các thực phẩm chiên xào dầu mỡ và giảm sử dụng chất kích thích để giảm tỉ lệ thừa cân béo phì.

Nghiên cứu chưa tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa thừa cân, béo phì với tần suất sử dụng thức ăn nhanh, thức ăn giàu carbohydrate, thức ăn giàu protein, đồ ngọt nước có gas và nước ép trái cây ($p>0,05$).

V. KẾT LUẬN

Tỉ lệ sinh viên thừa cân, béo phì trong quần thể sinh viên Y Khoa hệ liên thông Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tương đối cao và cần được quan tâm. Cần chú ý đến một số yếu tố liên quan đến thừa cân, béo phì: giới tính, thói quen, tần suất sử dụng thực phẩm chiên xào dầu mỡ, chất kích thích (rượu bia, cà phê, thuốc lá) để đưa ra lời khuyên kịp thời cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Dinh Dưỡng. Kết quả điều tra Thừa cân - béo phì và một số yếu tố liên quan ở người Việt Nam 25- 64 tuổi, đề tài nghiên cứu cấp Bộ 9/2005- 9/2006. 2006. <https://viendinhduong.vn/vi/dinh-duong-nguoi-lon/ket-qua-dieu-tra-thua-can---beo-phi-va-mot-so-yeu-to-lien-quan-o-nguoi-viet-nam-25--64-tuoi.html>.

2. Nguyễn Bạch Ngọc, Dương Hoàng Ân, Lê Thu Hiền. Tình trạng thừa cân, béo phì ở sinh viên mới nhập học tại Đại học Thăng Long qua 3 năm 2012-2014 và xác định một số yếu tố liên quan. *Kỷ yếu công trình khoa học 2015 Phần II*. 2015. 167-175, <https://doi.org/10.56283/1859-0381/363>.
 3. Lê Bá Tường, Nguyễn Hữu Tri. Khảo sát thực trạng béo phì của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 2016. 44, 9-13, <https://doi.org/10.22144/-ctu.jvn.2016.502>.
 4. Lê Hữu Việt. Đánh giá sự thay đổi tình hình thể lực và tình trạng dinh dưỡng của sinh viên tuổi từ 21 đến 23 sau hai năm tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2017. *Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*. 2018. 52.
 5. Nguyễn Lê Ánh Hồng, Đỗ Nguyễn Thanh Thanh, Trần Ngọc Tú, Thạch Minh Tiên Tuyết, Hà Trương Nhật Uyên, *et al*. Khảo sát tình trạng thừa cân, béo phì và một số yếu tố liên quan trên sinh viên khoa y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2023. 61, 246-252, <https://doi.org/10.58490/ctump.2023i61.676>.
 6. Nguyễn Thị Pháp. Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của sinh viên Y khoa năm thứ 4 và thứ 5 tại Đại học Tây Nguyên. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2021. 512 (2) 2020, <https://doi.org/10.51298/vmj.v512i2.2271>.
 7. Hoàng Thị Linh Ngọc, Nguyễn Thị Thanh Hòa, Lê Thị Hương. Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của sinh viên Y1 Trường Đại học Y Hà Nội. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*. 2021. 146(10), 192-197, <https://doi.org/10.52852/tencyh.v146i10.335>.
 8. Nguyễn Song Hiếu và Huỳnh Lê Thái Bảo. Cảnh báo tăng huyết áp và béo phì ở sinh viên đại học. *Vietnam Journal of Diabetes and Endocrinology*. 2022. 47, 150-154, DOI: 10.47122/vjde.2021.47.20.
-